

Số: 176/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 119/2026/TLST-HN ngày 30 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1984; Căn cước công dân số 060084012363 cấp ngày 08/8/2024 tại Bộ C; Địa chỉ: E P, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn An Minh T, sinh năm 1978; Căn cước công dân số 001178020596 cấp ngày 10/7/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: B Chung cư H Hồ N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 3 năm 2026 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Quốc B cư trú tại E P, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, thì yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận C, (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2013 cấp ngày 30/01/2013. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình sống chung, ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do sự khác biệt ngày càng lớn về tính cách và quan điểm sống. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, không giải quyết được. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên không còn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Căn cứ Bản trích lục khai sinh số 257/TLKS-BS tại F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/12/2016; Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: Bà Nguyễn An Minh T và ông Nguyễn Quốc B có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn An N (Nữ), sinh ngày 16/12/2016.

Ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T thỏa thuận giao trẻ Nguyễn An N cho bà Nguyễn An Minh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông Nguyễn Quốc B cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 (mười triệu) đồng/ tháng, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 3/2026. Thỏa thuận này là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T xác định không có.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T xác định không có.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận C, (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/01/2013).

- Về con chung: Ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T có 01 (Một) người con chung, họ tên là Nguyễn An N (Nữ), sinh ngày 16/12/2016.

Giao trẻ Nguyễn An N cho bà Nguyễn An Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông Nguyễn Quốc B cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 03/2026 cho đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 118 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Nguyễn Quốc B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T xác định không có.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn An Minh T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009348 ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố H. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 1, Tp. HCM;
- THADS Tp. HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3, (nay là phường Xuân Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Như Hoa